TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS-ST
Ngày: 05 - 10 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Giang

Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thuý An – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07; ngày 29 tháng 9 và ngày 05 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty tài chính TNHH một thành viên QTVN

Địa chỉ: Lầu 15, Tòa nhà Centec, 72-74 NgT M K, phường V T S, quận 3, thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: YSKW TKS – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: AKT TTSY – Giám đốc điều hành cấp cao Bộ phận thẩm định Quản lý công nợ.

Người được ủy quyền lại của ông AKITA TTSY*:* Anh Ng Đ Th– Nhân viên quản lý công nợ (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ap LQ, xa Th H, huyen GR, tinh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn anh Ng Đ Thtrình bày:

Vào ngày 14/10/2021, chị TR T M D có ký hợp đồng số 5802000209824000 với CTy vay số tiền 12.945.750 đồng; mục đích mua xe, theo hình thức trả góp hàng tháng; lãi suất thỏa thuận là 3.5080%./tháng (42,0966%/năm), thời hạn vay là 15 tháng; trả gốc lãi vào hàng tháng với số tiền là 1.136.659 đồng và kỳ cuối cùng phải trả là 1.244.558 đồng (kỳ trả đầu tiền là ngày 22/11/2021; kỳ trả cuối là ngày 23/01/2023), trả nợ qua Ngân hàng. Sau khi ký kết hợp đồng vay tiền thì Công ty , chị D và Chi nhánh công TNHH K Đ đã ký thỏa thuận ba bên ngày 14/10/2021. Vào ngày 15/10/2021, theo giấy ủy nhiệm chi Công ty đã chuyển cho công ty TNHH Thương mại KĐ số tiền 12.300.000 đồng, thay cho chị D thanh toán tiền xe và các khoản phí như số tiền theo hợp đồng. Việc thỏa thuận chuyển tiền cho công ty K Đcũng được ba bên đã ký kết với nhau theo thông tin bên vày và của hàng liên kết.

Từ khi vay đến nay chị D không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng, mặc dù nhân viên công ty đã liên lạc nhiều lần nhưng chị D vẫn không thực hiện và trốn tránh. Nay công ty xét thấy không thể thương lượng được với chị D nên có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị D phải trả số tiền vay gốc là 12.945.750 đồng và lãi suất trong hạn là 3.463.932 đồng và lãi suất quá hạn là 278.939 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 16.688.621 đồng *(Mười sáu triệu, sáu trăm tam mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi mốt đồng)*.

Tại phiên tòa anh Ng Đ Thngười đại diện của Công ty tài chính rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất theo đơn khởi kiện ban đầu. Nay chỉ yêu cầu bà TR T M D phải trả số tiền nợ gốc là 12.945.750 đồng và lãi suất được tính theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng đến khi thanh toán dứt điểm số nợ trên.

Bị đơn chị TR T M Dđã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên toà đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, đề nghị Hội đồng xét xử đình một phần yêu cầu nguyên đơn đã tự nguyện rút. Xét yêu cầu Cty TC yêu cầu chị TR T M Dphải trả số tiền nợ gốc là 12.945.750 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Theo hợp đồng vay vốn số 58020002029824000, ngày 14 tháng 10 năm 2021 giữa công ty JIVF với bà TR T M Dvà theo bản thông tin vay và cửa hàng liên kết được ký kết giữa ba bên và ủy nhiệm chi ngày 15/10/2021 xác định chị D có vay tiền như nguyên đơn trình bày là đúng. Trong thời gian vay tiền chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Nên nguyên đơn có quyền khởi kiện để thu hồi nợ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị TR T M Dđã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua thủ tục niêm yết công khai theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị D vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Công ty tài chính, khởi kiện yêu cầu chị TR T M Dthanh toán tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 58020002029824000, ngày 14 tháng 10 năm 2021. Hội đồng xét xử xác định là quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kiện của Công ty. Hội đồng xét xử xét thấy theo hợp đồng tín dụng số 58020002029824000, ngày 14 tháng 10 năm 2021 với chị TR T M D đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự phù hợp với các quy định của pháp luật nên Tòa công nhận hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hợp pháp. Thời

điểm ký kết hợp đồng vay tiền thì Công ty và Công ty K Đ, chị D đã thực hiện ký kết hợp đồng ba bên theo tờ hợp đồng thông tin bên vay và cửa hàng liên kết ngày 14/10/2021. Theo hợp đồng chị D mua hàng hóa là 01 xe Wave Alpha với số tiền 12.300.000 đồng và phí bảo hiểm 645.750 đồng. Theo đó Công ty đã thực hiện chuyển khoản cho Công ty K Đ theo giấy ủy nhiệm chi với số tiền 12.300.000 đồng và số tiền phí chị D phải chịu 645.750 đồng. Tổng cộng chị D vay của Công ty số tiền 12.945.750 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì chị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 22/11/2021 theo thỏa thuận của hợp đồng đến ngày 05/10/2022, vẫn còn dư nợ gốc chị D còn nợ là 12.945.750 đồng và lãi suất theo thỏa thuận của hợp đồng. Nên công ty yêu cầu chị D phải trả số tiền nợ gốc là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng số 58020002029824000, ngày 14 tháng 10 năm 2021, công ty JIVF và chị TR T M Dđã ký kết lãi suất 42,0966%/năm. Nhưng tại phiên tòa anh Ng Đ Th là người đại diện của Công ty đã tự nguyện rút lại phần lãi suất theo hợp đồng mà chỉ yêu cầu Tòa án áp dụng lãi suất theo quy định của Nhà nước tại thời điểm giao kết hợp đồng. Nên Tòa án áp dụng mức lãi suất tại thời điểm Công ty và chị D đã ký kết hợp đồng là ngày 14/10/2021, biểu lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố là 11.5%/năm, và quy đổi ra tháng là 0.96%/tháng, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

+ Lãi suất trong hạn tính từ ngày nhận tiền ngày 15/10/2021 đến ngày xét xử là ngày 05/10/2022: 12.945.750 đồng x 0.96% x 11 tháng 20 ngày = 1.449.924 đồng.

+ Lãi quá hạn từ ngày 15/10/2021 đến ngày 05/10/2022 là 11 tháng 20 ngày: 12.945.750 đồng x 0.96%/tháng x 150% x 11 tháng 20 ngày = 2.174.886 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận và chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty, buộc chị TR T M D phải trả số tiền nợ gốc 12.945.750 đồng *(Mười hai triệu, chín trăm bốn mươi năm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)*; tiền lãi trong hạn là 1.449.924 đồng và lãi quá hạn là 2.174.886 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 16.570.560 đồng *(Mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, năm trăm sáu mươi đồng)*.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn chị TR T M Dphải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 16.570.560 đồng x 5% = 828.528 đồng *(Tám trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi mươi tám đồng).*

Hoàn trả cho đơn Công ty tài chính TNHH MTV QTVN số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, khoản 1 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV QTVN Buộc chị TR T M D phải trả số tiền nợ gốc là 12.945.750 đồng; lãi trong hạn là 1.449.924 đồng và lãi quá hạn là 2.174.886 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 16.570.560 đồng *(Mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, năm trăm sáu mươi đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo ngày 06/10/2022, chị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán cho đến khi trả hết số nợ trên cho Công ty JIVF theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm giao kết hợp đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

2. Án phí:

Chị TR T M Dphải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 828.528 đồng *(Tám trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi mươi tám đồng).*

Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH MTV QTVN số tiền tạm ứng án phí là 356.392 đồng (Ba trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi hai đồng), do

ông Ng Đ Th nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005908 ngày 21/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy đinh của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên